

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 11/7/2023

V/v: “*Lhôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Lhôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thảo L, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thảo L trình bày:

Bà với ông Nguyễn Tấn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Vợ chồng đến UBND xã B để đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng về xã B sinh sống.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì ổn định và hạnh phúc.

Năm 2010 sau khi bà sinh bé sau thì vợ chồng có dấu hiệu rạn nứt nhưng vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng vun vén để duy trì cuộc sống hôn nhân.

Năm 2013 mâu thuẫn ngày càng nhiều, bà luôn sống trong tình trạng “bạo lực tinh thần” nguyên nhân ông T thường xuyên say và khi về thì có những lời lẽ chửi mắng vô tội vạ. Cuộc sống hôn nhân như địa ngục, quan hệ vợ chồng không hòa hợp. Ông T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm tinh thần bà. Bà cũng nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi vẫn tính nết nào tật nấy.

Năm 2021 mâu thuẫn phát sinh đỉnh điểm và tình trạng này đã kéo dài thời gian lâu nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được, bà không thể sống mãi trong cảnh hôn nhân như vậy mà mong muốn có cuộc sống bình yên với 02 con và gia đình không còn nặng nề khi ông T về nhà.

Ông T biết bà làm đơn ly hôn và Tòa án đã gặp ông T để ghi lời khai nhưng ông T không đồng ý đến Tòa để giải quyết ly hôn mà muốn đoàn tụ.

Bà không đồng ý đoàn tụ vì hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con

- Nguyễn Hoàng T1- sinh ngày 12/9/2000 đã trưởng thành

- Nguyễn Gia T2 - sinh ngày 04/8/2010, nguyện vọng cháu T2 là ở với mẹ nên bà có trách nhiệm nuôi dưỡng và giáo dục T2 đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 05/5/2023.

Ông và bà Nguyễn Thảo L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Vợ chồng đến UBND xã B để đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng về xã B sinh sống.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đôi lúc vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng đó cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hôn nhân. Bà L đã yêu cầu ly hôn với ông ba lần. Đến lần thứ ba thì ông chấp nhận ly thân, nhà ông thì ông ở nhà bà L thì bà L ở không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân ông không đồng ý ly hôn vì theo ông con cái còn nhỏ việc vợ chồng ly hôn có ảnh hưởng đến tương lai con cái và ông cũng mong muốn vợ chồng có thể ngồi lại với nhau để hàn gắn. Ông xin gia hạn thời hạn ly hôn đến khi con gái Anh T2 tròn 18 tuổi nếu không hàn gắn được thì ông chấp nhận ly hôn. Nếu bà L kiên quyết ly hôn thì việc ông níu kéo cũng không có giá trị. Tòa án cứ giải quyết cho bà L được ly hôn .

Hai bên gia đình cũng biết chuyện vợ chồng ly hôn đã có nói nhưng bà L không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con

- Nguyễn Hoàng T1- sinh ngày 12/9/2000 đã trưởng thành

- Nguyễn Gia T2 - sinh ngày 04/8/2010, nguyện vọng cháu T2 là ở với mẹ nên giao cho mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng và giáo dục T2 đến khi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người Thành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thảo L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành theo giấy triệu tập, vi phạm quy định tại Điều 70 BLTTDS năm 2015.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều

51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thảo L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Hoàng T1- sinh ngày 12/9/2000 hiện đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Gia T2 - sinh ngày 04/8/2010 cho bà Nguyễn Thảo L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thảo L và ông Nguyễn Tấn T có hộ khẩu thường trú tại: Huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thảo L, HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thảo L và ông Nguyễn Tấn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 26/4/2000 nên là hôn nhân hợp pháp, bà L có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo trình bày của các đương sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy bà L và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000 và hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, bà L nhiều lần đề nghị ly hôn vì cảm thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nhưng ông T không đồng ý nếu bà L kiên quyết ly hôn thì Tòa án cứ xét xử cho bà L được ly hôn.

HĐXX xét thấy, theo quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Trong quá trình sống chung giữa bà L và ông T có phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông T không có sự yêu thương, quan tâm và tôn trọng bà L mà thường xuyên mắng chửi, bạo lực tinh thần khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa thể hiện qua việc bà L đã từng đưa ra yêu cầu ly hôn với ông T 3 lần nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không

cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không vì lý do tình cảm mà vì lý do khác và không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con

- Nguyễn Hoàng T1- sinh ngày 12/9/2000 đã trưởng thành

- Nguyễn Gia T2 - sinh ngày 04/8/2010, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu T2 và nguyện vọng của cháu T2 là ở với mẹ. Ông T cũng thống nhất là con muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được nuôi cháu T2 và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, đảm bảo sự phát triển của cháu T2 nên giao cho bà L nuôi dưỡng cháu T2 đến khi trưởng thành.

Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thảo L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thảo L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con

Nguyễn Hoàng T1- sinh ngày 12/9/2000 đã trưởng thành

Giao con chung Nguyễn Gia T2 - sinh ngày 04/8/2010 cho bà Nguyễn Thảo L trực tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thảo L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà L đã nộp tại biên lai thu số 0002894, ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, bà Nguyễn Thảo L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh